



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

9. KHĪṆĀSAVĀBHĀYANAPAÑHO

1. “Bhante nāgasena bhāsitampeṭaṃ bhagavatā: ‘**Vigatabhayasantāsā arahanto**’ ti. Puna ca nagare rājagahe dhanapālakaṃ hatthiṃ bhagavati opatantaṃ disvā pañcakhīṇāsavasatāni pariccajivā jinavaraṃ pakkantāni disāvidisaṃ, ekaṃ ṭhapetvā therāṃ ānandaṃ. Kinnu kho bhante nāgasena te arahanto bhayā pakkantā?’¹ Udāhu tathāgatassa atulaṃ vipulamasamaṃ pāṭihāriyaṃ daṭṭhukāmā pakkantā?

Yadi bhante nāgasena bhagavatā bhaṇitaṃ: ‘Vigatabhayasantāsā arahanto’ ti, tena hi ‘nagare rājagahe dhanapālakaṃ hatthiṃ bhagavati opatantaṃ disvā pañcakhīṇāsavasatāni pariccajivā jinavaraṃ pakkantāni disāvidisaṃ, ekaṃ ṭhapetvā therāṃ ānandaṃ’ ti yaṃ vacanaṃ, taṃ micchā. Yadi nagare rājagahe dhanapālakaṃ hatthiṃ bhagavati opatantaṃ disvā pañcakhīṇāsavasatāni pariccajivā jinavaraṃ pakkantāni disāvidisaṃ ekaṃ ṭhapetvā therāṃ ānandaṃ, tena hi ‘vigatabhayasantāsā arahanto’ ti tampi vacanaṃ micchā. Ayampi ubhatokoṭiko pañho tavānuppatto. So tayā nibbāhitabbo” ti.

2. “Bhāsitampeṭaṃ mahārāja bhagavatā: ‘Vigatabhayasantāsā arahanto’ ti. Nagare ca rājagahe dhanapālakaṃ hatthiṃ bhagavati opatantaṃ disvā pañca khīṇāsavasatāni pariccajivā jinavaraṃ pakkantāni disāvidisaṃ ekaṃ ṭhapetvā therāṃ ānandaṃ. Tañca pana na bhayā, nāpi bhagavantaṃ pātetukāmatāya.

Yena pana mahārāja hetunā arahanto bhāyeyyūṃ vā taseyyūṃ² vā, so hetu arahantānaṃ samucchinnō, tasmā vigatabhayasantāsā arahanto. Bhāyati nu mahārāja mahāpaṭhavī khaṇante ’pi bhindante ’pi dhārente ’pi samuddapabbatagirisikhare” ti.

“Na hi bhante” ti.

“Kena kāraṇena mahārājā” ti?

“Natthi bhante mahāpaṭhaviyā so hetu yena hetunā mahāpaṭhavī bhāyeyya vā taseyya vā” ti.

“Evameva kho mahārāja natthi arahantānaṃ so hetu yena hetunā arahanto bhāyeyyūṃ vā taseyyūṃ vā. Bhāyati nu mahārāja girisikharaṃ chindante vā bhindante vā patante vā agginā dahante vā” ti.

“Na hi bhante” ti.

“Kena kāraṇena mahārājā” ti?

¹ paññāyissati sakena kammenāti dasabalaṃ pātetukāmā pakkantā - itipāṭhaṃ Ma, PTS potthakesu adhikaṃ.

² tāseyyūṃ, tāseyya - Ma, evaṃ sabbattha.

9. CÂU HỎI VỀ SỰ KHÔNG SỢ HÃI CỦA BẠC LẬU TẬN:

1. “Thưa ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **‘Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa.’** Và thêm nữa ở thành Rājagaha năm trăm bậc lậu tận, sau khi nhìn thấy con voi Dhanapālaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng cao quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là trưởng lão Ānanda. Thưa ngài Nāgasena, phải chăng các vị A-la-hán ấy đã tản mác vì sợ hãi? Hay là đã tản mác với ước muốn được chứng kiến thân thông không thể đo lường, vĩ đại, không thể sánh bằng của đức Như Lai?”

Thưa ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: ‘Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa,’ như thế thì lời nói rằng: ‘Ở thành Rājagaha năm trăm bậc lậu tận, sau khi nhìn thấy con voi Dhanapālaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng cao quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là trưởng lão Ānanda’ là sai trái. Nếu ở thành Rājagaha năm trăm bậc lậu tận, sau khi nhìn thấy con voi Dhanapālaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng cao quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là trưởng lão Ānanda, như thế thì lời nói rằng: ‘Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa’ cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho ngài. Nó nên được giải quyết bởi ngài.”

2. “Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ‘Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa.’ Và ở thành Rājagaha năm trăm bậc lậu tận, sau khi nhìn thấy con voi Dhanapālaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng cao quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là trưởng lão Ānanda. Tuy nhiên, điều ấy không do sự sợ hãi, cũng không phải do sự mong muốn để khiến cho đức Thế Tôn bị ngã gục.

Tâu đại vương, do nhân nào các vị A-la-hán có thể bị sợ hãi hoặc có thể bị run rẩy, nhân ấy đã được đoạn trừ ở các vị A-la-hán; vì thế các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa. Tâu đại vương, vậy thì đại địa cầu có bị sợ hãi trong khi (bị) đào xới, trong khi (bị) đổ vỡ, trong khi nâng đỡ biển cả, núi non, và đỉnh núi?”

“Thưa ngài, không có.”

“Tâu đại vương, vì lý do gì?”

“Thưa ngài, nhân nào khiến cho đại địa cầu có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở đại địa cầu.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế nhân nào khiến cho các vị A-la-hán có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở các vị A-la-hán. Tâu đại vương, vậy thì đỉnh núi có bị sợ hãi trong khi (bị) nứt nẻ, trong khi (bị) đổ vỡ, trong khi sụp xuống, hoặc trong khi (bị) đốt nóng bởi ngọn lửa?”

“Thưa ngài, không có.”

“Tâu đại vương, vì lý do gì?”

3. “Natthi bhante girisikharassa so hetu yena hetunā girisikharaṃ bhāyeyya vā taseyya vā”ti.

“Evameva kho mahārāja natthi arahantānaṃ so hetu yena hetunā arahanto bhāyeyyūṃ vā taseyyūṃ vā. Yadi pi mahārāja lokadhātusata-sahassesu ye keci sattakāya¹pariyāpannā, sabbe ’pi te sattihatthā ekaṃ arahantaṃ upadhāvitvā taseyyūṃ, na bhavēyya arahato cittaṃ kiñci aññathattaṃ. Kiṃ kārāṇā?² Aṭṭhānāmanavakāsātāya. Api ca mahārāja tesāṃ khīṇāsavānaṃ evaṃ cetoparivitakko ahosi: ‘Ajja naravarapavare jinavaravasabhe nagaravaramanuppaviṭṭhe vīthiyā dhanapālako hatthi āpatissati, asaṃsayamatidevadevaṃ upatṭhāko na pariccajissati. Yadi mayaṃ sabbe ’pi bhagavantaṃ na pariccajissāma, ānandassa guṇo pākaṭo na bhavissati, na heva ca tathāgataṃ samupagamissati hatthināgo. Handa mayaṃ apagacchāma. Evamidaṃ mahato janakāyassa kilesabandhana-mokkho bhavissati, ānandassa ca guṇo pākaṭo bhavissati ’ti. Evaṃ te arahanto ānisamsaṃ disvā disāvidisaṃ pakkantā”ti.

“Suvibhatto bhante nāgasena pañho. Evametaṃ natthi arahantānaṃ bhayaṃ vā santāso vā. Ānisamsaṃ disvā te arahanto pakkantā disāvidisaṃ”ti.

Khīṇāsavābhāyanapañho navamo.

¹ sattanikāya° - Ma.

² kiṃ kārāṇaṃ - Ma, PTS.

3. “Thưa ngài, nhân nào khiến cho đỉnh núi có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở đỉnh núi.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế nhân nào khiến cho các vị A-la-hán có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở các vị A-la-hán. Tâu đại vương, nếu như tất cả những ai đó được gộp vào thành phần chúng sanh ở trăm ngàn thế giới, với bàn tay cầm gươm, đuổi theo và dọa dẫm một vị A-la-hán, thì cũng không có bất cứ điều gì đổi khác ở tâm của vị A-la-hán. Vì lý do gì? Bởi vì sự không thực tế và tính chất không hợp lý. Tâu đại vương, hơn nữa các vị A-la-hán ấy đã có ý nghĩ suy tâm như vậy: ‘Hôm nay, khi bậc cao quý và ưu tú của loài người, đấng Chiến Thắng anh hùng cao quý, đã tiến vào thành phố cao quý ở trên con đường thì con voi Dhanapālakaka sẽ lao đến. Điều không nghi ngờ là vị thị giả sẽ không rời bỏ vị Chúa của chư Thiên. Nếu tất cả chúng ta sẽ không rời bỏ đức Thế Tôn thì đức tính của Ānanda sẽ không được thể hiện, và chủ yếu là con long tượng sẽ không tự tiến đến gần đức Như Lai. Vậy chúng ta hãy tránh ra xa. Điều này là như vậy, sẽ có sự giải thoát khỏi sự trói buộc của phiền não cho đám đông người, và đức tính của Ānanda sẽ được thể hiện.’ Như vậy, sau khi nhìn thấy sự lợi ích, các vị A-la-hán ấy đã tản mác khắp các phương.”

“Thưa ngài Nāgasena, câu hỏi đã khéo được phân giải. Điều ấy là như vậy, không có sự sợ hãi hoặc sự run rẩy đối với các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán ấy, sau khi nhìn thấy sự lợi ích, đã tản mác khắp các phương”

Câu hỏi về sự không sợ hãi của bậc lậu tận là thứ chín.
